Bồ Đề Hải

Vạn Phật Thánh Thành

Số 88, Mùa Thu 2014 — 11455 Clayton Rd., San Jose, CA95127, USA

Lúc đọc tụng kinh,
nên nguyện chúng-sanh,
thuận lời Phật dạy,
tổng trì chẳng quên.

Kinh Hoa Nghiêm - Phẩm Phạm Hạnh

When I recite the sutras,
I vow that sentient beings
Will accord with what the Buddha says,
And remember it all without forgetting.

Avatamsaka Sutra - Pure Conduct Chapter

Đọc trong số này

- **Khai Thị**
  - Khai ngộ phải được ấn chứng mới đúng pháp
- **Lòng Từ Bi Của Bồ Tát**
- **Thư Chân Hành Giả**
  - Vở Kịch Lớn
- **Kinh Đà La Ni**
- **Phật Tổ Đạo Ảnh**
  - Tổ thứ tám: Tôn Giả Phật-Đà-Nan-Đề
- **Hư Vân Hòa Thượng Họa Truyện**

61. Văn Cát Giặt Giũ Quần Áo Dơ

Phát hành

Dharma Realm Buddhist Association
www.dharmasite.net/bodehai
www.dharmasite.net/khaithi
www.chuavanphat.org
www.bttsonline.org
www.cttbusa.org
www.drba.org

KHAI NGỘ PHẢI ĐƯỢC ẤN CHỨNG MỚI ĐÚNG PHÁP

Enlightenment Must Be Certified Before It

Hòa Thượng Tuyên Hóa

Nếu đã khai ngộ thì phải thắng mọi thử thách; bằng không, chỉ là nói láo, phải đọa địa ngục.

Trước thời Oai Âm Vương Phật ra đời, ai ai cũng có thể khai ngộ và chẳng cần người nào ấn chứng cả. Từ thời Oai Âm Vương Phật trở về sau, những ai tự giác khai ngộ đều nhất định phải có Tổ-sư hoặc bậc Thiện tri thức (đã khai ngộ) ấn khả, chứng minh thì mới đúng

People who claim enlightenment have to stand up to the test; otherwise, they are simply telling a great lie and will fall into the Relentless Hells.

Before the time of the Buddha Awesome Voice, any person could get enlightened, and he wouldn't need to be certified by another person. But after the time of the Buddha Awesome

phép. Cũng như ở Pháp-hội Lăng-Nghiêm, có hai mươi lăm vị Thánh-nhân tường thuật sự chứng đắc viên-thông của họ và thỉnh Đức Phật Thích-Ca ấn chứng.

Bây giờ tôi sẽ kể cho các bạn nghe một công án về sự ấn chứng.

Đời Đường (nước Trung Hoa), có Đại-sư Vĩnh Gia. Ngài sinh ở huyện Vĩnh-gia, tỉnh Triết-giang. Bởi vì cả đời ngài không rời huyện Vĩnh-gia nên người đương thời gọi ngài là Đại-sư Vĩnh Gia. Sau khi xuất gia, ngài nghiên cứu giáo lý Thiên-Thai Tông, thích tu Thiền-quán; nhờ xem Kinh Duy Ma Cật mà hoát nhiên đại ngộ. Về sau, khi gặp Thiền-sư Huyền Sách (đệ tử của Lục Tổ Huệ Năng), ngài Vĩnh Gia bèn thuật lại tự sự. Thiền-sư Huyền Sách khuyên ngài nên đến Tào-khê tham bái Lục Tổ để thỉnh cầu ấn chứng; nếu không, chẳng nhờ thầy mà ngộ, thì là hàng "ngoại đạo Thiên-nhiên."

Khi ngài Vĩnh Gia tới Chùa Nam Hoa ở Tào-khê, gặp đúng lúc Lục Tổ đang tọa Thiền. Ngài rất cống cao ngã mạn, tới bên Thiền-sàng của Lục Tổ, cũng chẳng vái chào, chẳng đảnh lễ, cầm cây tích-trượng đi nhiễu quanh Thiền-sàng ba vòng, rồi đứng chống tích-trượng.

Lục Tổ mới hỏi: "Một vị Sa-môn cần hội đủ ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh. Một hạnh cũng không khiếm khuyết thì được gọi là Sa-môn (dịch là Cần Tức--cần tu Giới Định Huệ, tức diệt Tham Sân Si--siêng tu Giới Định Huệ, dứt bỏ Tham Sân Si). Đại-đức từ nơi nào tới,

Voice, someone who feels he is enlightened must be certified by a Patriarch or an enlightened Good and Wise Advisor for it to really count. For example, *The Shurangama Sutra* lists the stories of twenty-five Sages who describe their perfect enlightenments and who request Shakyamuni Buddha to certify their attainments.

I'll now tell the story of such a certification. In the Tang Dynasty of China there was a Great Master called Yongjia (Eternal Excellence) who was born in Yongjia county of Zhejiang Province. Because he stayed in Yongjia all his life, people gave him the name Great Master Yongjia. After he left the home-life, he studied the teachings of the Tian Tai School and cultivated meditative contemplation. One day while reading *The Vimalakirti Nirdesa Sutra*, he suddenly got enlightened. Soon after, he met a disciple of the Sixth Patriarch named Chan Master Xuance (Mystic Law), and told him his story. Master Xuance suggested that he go to Tsao Creek to study under the Sixth Patriarch and to request certification of his enlightenment. To do otherwise, to claim that one has become enlightened by oneself, without benefit of a teacher, would make one a follower of the externalists who believed in spontaneity.

When he arrived at Nanhua Monastery in Tsao Creek, the Sixth Patriarch was meditating. Master Yongjia, full of pride, strode over to the front of the Patriarch's meditation seat. Without even making a half-bow or full-bow, he simply grasped his tin staff, walked three times around the

sinh lòng đại ngã mạn như thế?"

Ngài Vĩnh Gia đáp: "Chuyện lớn là sinh tử, vô thường quá chóng vánh."

Lục Tổ hỏi: "Sao không thể hội cái vô sinh? Sao chẳng liễu ngộ thứ chẳng chóng vánh?"

Ngài Vĩnh Gia đáp: "Thể hội tức là vô sinh. Liễu ngộ vốn không chóng vánh."

Lục Tổ dạy rằng: "Ông thật hiểu ý nghĩa của vô sinh vậy."

Ngài Vĩnh Gia hỏi vặn: "Vô sinh mà còn có ý hay sao?"

Lục Tổ trả lời rằng: "Không có ý thì ai đang phân biệt?"

Ngài Vĩnh Gia đáp: "Phân biệt cũng chẳng phải là ý!"

Lục Tổ dạy: "Như thị! Như thị!"

Rồi ngài Vĩnh Gia được ấn khả chứng

Patriarch's seat, and then stood and rapped his staff on the ground.

The Sixth Patriarch said, "Shramanas (monks) ought to possess the Three Thousand Modes of Awesome Deportment, and the Eighty Thousand Subtle Manners. Only when one's behavior is impeccable does one merit the name Shramana. [Shramana means "diligent and putting to rest." A Shramana "diligently cultivates precepts, concentration, and wisdom, and puts to rest greed, hatred, and stupidity."] Where do you, O Virtuous One, come from? And why are you so arrogant?"

Master Yongjia answered, "Birth and death is the only important thing, and impermanence comes with haste."

The Sixth Patriarch said, "Then why don't you embody birthless-ness; why don't you understand no-haste?"

Master Yongjia answered, "The embodiment originally was not subject to birth. When you understand, then there is no further haste."

The Sixth Patriarch said, "You have really grasped the idea of birthlessness."

Master Yongjia said, "Do you mean to say that birthlessness is an idea?"

The Sixth Patriarch said, "If it isn't an idea, then how can you distinguish it?"

Master Yongjia said, "Making distinctions is not an idea, either."

minh, trở thành Pháp-tự của Lục Tổ.

Sau khi được Lục Tổ ấn chứng, ngài Vĩnh Gia muốn lập tức trở về Chùa Khai Nguyên ở Vĩnh-gia. Song Lục Tổ lưu ngài ở lại một đêm, hôm sau mới xuống núi về quê nhà. Bởi vì chỉ trong một đêm mà giác ngộ được chân-đế của Phật-pháp nên người đương thời gọi ngài là "Nhất Túc Giác Hòa Thượng" (vị Sư giác ngộ nội trong một đêm) (*). Về sau ngài cực lực tuyên dương pháp Đốn-ngộ của Thiền-môn, viết tác phẩm Chứng Đạo Ca thuyết minh cảnh giới đốn-ngộ. Đó là một tác phẩm bất hủ, đã trở thành bản văn phải học trong cửa Phật.

Khi chúng ta ngồi trong Thiền-đường, cứ nhìn bề ngoài thì giống như chúng ta đang dụng công tu hành, song thật ra thì chỉ ngồi nghĩ ngợi, vọng tưởng lăng xăng, chẳng dụng công tu hành chút nào cả. Có bạn nghĩ rằng: "Bây giờ là thời đại khoa học, phải dùng phương pháp khoa học để khai ngộ"; nhưng lại nghĩ lui nghĩ tới mãi, chẳng chút khoa học gì cả, đó chính là "kẻ ngốc nói chuyện mộng mị."

Kẻ nào khai ngộ rồi thì đều phải thắng được mọi khảo nghiệm, nếu không y sẽ mắc tội đại vọng ngữ, phải đọa địa ngục Vô-gián. Phàm lệ, ai tự rêu rao về mình: "Tôi đã khai ngộ rồi! Tôi đã chứng quả rồi!" thì đều phải chịu quả báo (đọa địa ngục). Hy vọng các bạn đều hết sức cẩn thận, không tùy tiện nói càn, kẻo về sau phải chịu quả báo!

Ở đây các bạn dậy rất sớm, ngủ thật trễ. Vì sao lại tu cực khổ như vậy? Bởi vì

"You are so right! You are so right!" said the Sixth Patriarch, and thereupon certified him and made him his Dharma heir.

After Great Master Yongjia was certified by the Sixth Patriarch, he planned to return immediately to Kaiyuan (Primary Source) Temple in Yongjia. The Sixth Patriarch asked him to stay for one night, but the next morning he went right back to Yongjia. Because he had enlightened to the truth of the Buddhadharma in just a single evening, people of that time nicknamed him, "The Monk Who Became Enlightened Overnight." Afterwards, he energetically propagated the Sudden Teaching of the Chan School and is most noted for his *Song of Enlightenment*, which explains the state of sudden enlightenment. The Song is a masterpiece that will long endure and has become required reading for Buddhists.

Judging from the outside, we seem to be working hard at our cultivation here in the Chan Hall; but in reality, we are indulging in idle thinking and are not working hard at all. We may be thinking, "This is the Age of Science, and there ought to be a scientific way to get enlightened," and so we cogitate back and forth in a very unscientific way, like a fool prattling about dreams.

People who claim enlightenment have to stand up to the test; otherwise, they are simply telling a great lie and will fall into the Relentless Hells. This retribution awaits any individual who advertises that he is enlightened and has realized sagehood. I hope that all of you will take careful note of this and not speak carelessly, or else you will

thêm một phút tham Thiền là thêm một cơ hội giác ngộ. Hiện tại các bạn ngồi ở Thiền-đường tập trung tinh thần, dụng công tham cứu câu "Niệm Phật là ai?", tuy chẳng phải là không có bạn chuyên tâm dụng công, song các bạn chân chính muốn giác ngộ, đắc được thọ dụng, thì ít lắm. Phần đông người ta không biết rõ việc tham Thiền ra sao, cũng không nhiệt tâm; họ chỉ tu cho có lệ, làm cho qua ngày. Với thái độ đả Thiền-thất như vậy thì dù có đả thất tới "tận vị lai kiếp" cũng chẳng thể khai ngộ được. Tôi hy vọng mỗi quốc gia đều có nhiều vị giác ngộ, để họ giúp ích cho tiền đồ Phật-giáo mai sau.

Trong lúc đả Thiền-thất, bạn chớ nói chuyện, đừng nghĩ ngợi lăng xăng. Bạn hãy chân thật dụng công thì mới có cảm ứng, mới khai trí huệ. Có trí huệ thì mới không điên đảo. Không điên đảo thì mới có thể giáo hóa chúng sinh. Nếu chính mình không hiểu rành mạch chân lý thì lấy tư cách gì để dạy kẻ khác? Đây chẳng phải là "kẻ đui dắt người mù" sao? Thật là vô cùng nguy hiểm!

Việc tham Thiền thì cũng tương tự như bác nông phu gieo hạt ngũ cốc vào mùa xuân; đến mùa hè thì cày cấy, tưới nước, nhổ cỏ, bón phân; qua mùa thu mới gặt được mùa tốt và khi mùa đông tới thì bác mới được no ấm. Hy vọng suốt một năm của bác nông phu là được đủ ăn đủ mặc. Tham Thiền cũng vậy. Bạn cần cẩn thận giữ chặt tâm niệm, lúc nào cũng quản thúc chính mình. Trong Thiền-đường, lúc đi mình có dụng công chăng? Lúc ngồi mình có dụng công chăng? Nói tóm lại, đi, đứng, nằm, ngồi, đều phải

undergo that kind of retribution.

We wake up very early and don't rest until very late. Why do we cultivate so arduously? Because one extra minute of meditation gives us an extra minute of opportunity to get enlightened. Even though we're gathered together in the meditation hall to concentrate on the question, "Who is mindful of the Buddha?" and we cannot say that no one is concentrating on his task, those who really want to get enlightened and obtain benefit are certainly in the minority. Most people are not serious or enthusiastic about meditation; they merely go through the motions and waste time. If you spend your retreat like this, you won't get enlightened even to the ends of the future. My hope is for many people to get enlightened in this country, so that they can help Buddhism in the future.

We must not talk during the Chan retreat, nor should we indulge in idle thoughts. Apply effort with sincerity; only then can you attain a response and uncover your wisdom. Once you have wisdom, you won't be upside-down. Only if you aren't upside-down can you teach living beings. If you yourself haven't yet figured out the true principles, how can you teach others? That would simply be a case of the blind leading the blind, which is very dangerous.

Chan meditators are like farmers who sow in the spring; arduously weed, water, hoe, and fertilize in the summer; and harvest in the autumn, so that they can be full and warm in the winter. A farmer's year-long expectation is to be amply fed and warmly

dụng công tu hành. Bạn cảm thấy dụng công làm sao thích hợp, thì cứ theo đó mà dụng công, chẳng có gì hạn chế. Ví dụ, bạn cảm thấy tham thoại đầu chẳng tương ưng, thì có thể niệm Phật, hoặc tu chỉ-quán. Chỉ cần phương pháp ấy thích hợp, tương ưng với bạn thì bạn sẽ có cơ thành tựu.

Vô luận là dụng công ở pháp môn nào, tâm phải chuyên nhất, đừng có vọng tưởng. Khi dụng công tới cực độ thì sẽ có tin tức tốt đẹp. Nếu có vọng tưởng, suy nghĩ lăng xăng hoài, thì dụng công ở pháp môn nào cũng chẳng có tương ưng. Phàm nếu là kẻ chân chính dụng công, thì đi chẳng biết là đi, ngồi cũng chẳng biết là ngồi--đi hay ngồi đều không để ý thì làm sao khởi vọng tưởng được chứ? Bạn chỉ cần biết "Niệm Phật là ai? Niệm Phật là ai?" Cứ một câu này, niệm niệm chớ để gián đoạn, luôn luôn tham cứu trong lòng. Bấy giờ, dù khát bạn chẳng biết khát, đói cũng chẳng biết đói; nóng cũng không biết là nóng, lạnh cũng chẳng hay là lạnh. Vì sao không biết? Vì tâm chuyên nhất vậy. Lưng đau cũng quên đau, chân nhức cũng không biết nhức, mọi ý niệm đều tiêu vong cả. Chỉ còn có một niệm: "Ai niệm Phật?" Luôn đề khởi nó, rồi buông bỏ. Buông bỏ xong lại đề khởi. Lúc nào cũng miên mật, dụng công liên tục, không gián đoạn. Dụng công tới chỗ cực độ, thì bất kỳ một va chạm ngẫu nhiên nào cũng có thể làm bạn hốt nhiên khai ngộ.

Tại sao bạn không hốt nhiên khai ngộ? Vì bạn chưa chuyên tâm trì chí, chưa hiểu đạo lý "minh tâm kiến tánh,"

clothed. Investigating Chan is the same: we must carefully guard our thoughts and watch over ourselves at all times. As we walk and sit in the Chan hall, we should know whether or not we are applying effort. In general, whether walking, standing, sitting, or reclining, we should cultivate diligently. We can use whatever method we feel is right for us; there is no restriction. For example, if we feel that investigating the meditation topic is not suitable for us, we can recite the Buddha's name or cultivate the method of "stopping and contemplating." Only with a method that is appropriate for us can we succeed.

No matter which method we use, we must concentrate and get rid of all idle thoughts. When we concentrate to the ultimate point, there will be good news. If we have a profusion of idle thoughts, then no matter what method we use, it won't work for us. People who truly apply themselves don't even know when they are walking and sitting; how much less could they engage in idle thoughts? All they know is the question, "Who is mindful of the Buddha?" They keep investigating it in their minds without ever forgetting it. They're unaware of thirst, hunger, or feeling hot or cold. Why don't they know these things? It's because they are concentrating single-mindedly. They aren't aware of stiffness in their back or pain in their legs; they have no thoughts at all, except for "Who is mindful of the Buddha?" They are constantly raising the question and letting it go; dropping it, only to pick it up again. They use this skill ceaselessly, in thought after thought, at all times. When

không biết cảnh giới "phản bổn hoàn nguyên," cũng chẳng biết cố hương ở nơi đâu nên lưu lạc nơi đất khách như tên ăn mày.

Cuối cùng tôi nói với các bạn câu này: Hãy tham cứu câu "Niệm Phật là ai?" cho tới chỗ "núi cùng nước cạn, nghi hết đường"; bấy giờ, bạn sẽ thấy cảnh giới "bóng liễu, hoa xinh hiện một thôn."

(Thiền thất 12/1980)

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng vào Thiền Thất Mùa đông 1980, tại Vạn Phật Thánh Thành

Chú Thích:

(*) Kinh Pháp Bảo Đàn - Phẩm Cơ Duyên

their effort reaches an extreme, they may bump into something and suddenly get enlightened.

Why haven't you been suddenly enlightened? It's because you aren't concentrated, and you don't know how to "understand your mind and see your nature." You don't know the state of returning to the origin. You don't know where your hometown is. You prefer instead to be the prodigal son who wanders adrift in foreign lands. In the end, I still say the same thing: investigate "Who is mindful of the Buddha?" until you reach a state where, "The mountains end, the waters dry up, and you fear there is nowhere left to go; there, beyond the dark willows and the bright flowers, you'll find another village."

A talk given during a Chan session in December, 1980

Lòng Từ Bi Của Bồ Tát

THE BODHISATTVA'S COMPASSION

Tỳ Kheo Hằng Thọ

- Dịch từ bài The Bodhisattva's Compassion trong báo Vajra Bodhi Sea số tháng 10, 2010 trang 33-34

Đầu xuân 1974, lúc tôi đang sống ở Phật Giáo Giảng Đường tại Hồng Kông thì Hòa thượng trở về sau nhiều năm ở Mỹ. Không lâu sau khi ngài trở về Hồng Kông, các đệ tử thỉnh cầu ngài cử hành Lễ Phóng Sinh ở Tây Lạc Viên, một trong những ngôi chùa mà ngài đã kiến lập nhiều năm về trước. Trong ngày lễ đó tôi giúp việc xướng tụng và đánh pháp khí cùng với hai thầy nữa trong khi Sư Phụ hướng dẫn buổi lễ giữa đám đông các đệ tử tại gia. Những chúng sinh được phóng sanh ngày hôm đó là một loài chim nhỏ mà thịt chim này thường được dùng làm món ăn Trung Hoa. Vừa bắt đầu lễ được chốc lát, khi tôi ngoảnh đầu để nhận biết dấu hiệu đánh pháp khí phù hợp theo nghi lễ thi thấy Sư Phụ đang đứng bên cạnh lồng chim. Tôi rất ngạc nhiên khi thấy ngài đang khóc ! Sư Phụ không lộ ra vẻ đau đớn. Vẻ mặt của ngài gần như điềm tĩnh và an tịnh. Tuy nhiên, việc ngài khóc thì không thể sai được. Tự nhiên tôi thấy hơi bối rối.

Kể từ khi gặp Sư Phụ vào đầu mùa hè năm 1968, tôi đã chứng kiến ngài biểu lộ gần như mọi cảm xúc khi thực hiện Bồ Tát hạnh và làm người hướng dẫn tâm linh. Tôi từng thấy ngài nói rất dịu dàng, nhẹ nhàng đối với các đồ đệ nhút nhát, khi đó giọng ngài nghe êm ái như tiếng rù nhẹ nhàng của một con mèo. Tôi cũng đã từng chứng kiến ngài nói rất gay gắt và mạnh mẽ đối với những đệ tử cống

In the early spring of 1974 I was living in Hong Kong at the Buddhist Lecture Hall when the Master returned after many years in America. Shortly after the Master returned to Hong Kong, his disciples requested that he perform a Liberating Life Ceremony at Western Bliss Gardens, one of the temples he had founded years ago. I assisted with the chanting and playing of the Dharma instruments along with two other monks as the Master led the ceremony in the midst of a large crowd of lay disciples. The beings released that day were a kind of small bird whose fl esh was used in Chinese cooking. A little into the ceremony, upon turning my head to pick up any ceremonial cues, I observed the Master standing next to the cages of birds. To my great surprise I noticed that he was weeping. There was no apparent expression of anguish. His countenance was almost placid and neutral. But still, there was no mistake about his weeping. Naturally, I was somewhat bewildered.

Since I had met the Master in the early summer of 1968, I had witnessed him displaying nearly every emotion in the course of his work as a Bodhisattva and spiritual instructor. I had seen him speaking very softly and gently to the timid disciples, at which his voice would sound as comforting as

cao ngã mạn. Lúc đó giọng ngài có thể đáng sợ như tiếng sư tử hống. Đôi khi, ngài kể chuyện cười để làm vơi bớt tâm trạng nặng nề của một đệ tử. Có khi ngài rất nghiêm khắc chỉ trích việc khinh suất, không lưu ý đến các chi tiết quan trọng. Đôi khi ngài có vẻ hoan hỷ đến nỗi tất cả mọi người chung quanh có được một trạng thái gần như hạnh phúc say sưa ngay cả khi ngài không nói một lời nào. Có lúc thái độ của ngài nghiêm túc đến nỗi bất cứ ai có mặt tự nhiên cảm thấy một sự lạnh lùng nghiêm nghị.

Tôi đã chứng kiến tất cả những "cảm xúc" trong Sư Phụ trong những trường hợp khác nhau nhưng chưa bao giờ thấy ngài khóc. Tôi thấy hơi bối rối bởi những gì đã nhìn thấy, nhưng cố gắng ráng tiếp tục việc xướng tụng và gõ mõ trong phần còn lại của buổi lễ . Khi buổi lễ đã kết thúc, tôi lại quay lại nhìn Sư Phụ, lúc này ngài đang mỉm cười rạng rỡ qua những vết nước mắt hồi nãy. Tôi không phải là người duy nhất đã nhận thấy Hòa thượng khóc. Thực ra, tôi nghĩ gần như tất cả mọi người đều có chút bối rối. Sau đó, Hòa thượng giải thích ngắn gọn (mà tôi diễn giải ở đây): "Một số người trong quý vị có lẽ nhận thấy tôi đã khóc trong Lễ Phóng Sinh và có thể quý vị tự hỏi tại sao. Được rồi, tôi sẽ cho quý vị biết. Lý do tôi khóc là vì tôi nhận ra một trong những chú chim này đã từng là một người đệ tử xuất gia của tôi trong kiếp trước. Nhưng vị tu sĩ này đi lạc đường, và cuối cùng đi lạc quá xa đến nỗi bây giờ ông ta tái sinh làm loài chim. Vì vậy mà tôi không thể kìm lòng chỉ biết khóc thương tiếc".

Buổi lễ tại Tây Lạc Viên là một kinh nghiệm không thể quên đối với tôi. Thật ra, việc Sư Phụ rơi lệ vì nghiệp quả của một người đệ tử cho thấy chiều sâu và sự chân

the quiet purr of a kitten. I had also seen him speak very harshly and powerfully to very arrogant disciples. At those times his voice could sound as terrifying as the roar of a lion. Sometimes he would tell jokes to lighten a disciple's overly leaden mood. Sometimes he would be very stern in discouraging frivolousness where there was lack of attention to important details. Sometimes his presence was so beatifi c that everyone in his presence enjoyed a state of nearly intoxicating blissfulness even when no words was spoken. Sometimes his demeanor was so grave that anyone present spontaneously experienced a sort of glacial solemnity.

I had seen all of these "emotions" in the Master and in many different permutations. But I had never seen the Master weep. I was rather disturbed by what I saw, but forged on with the rest of the ceremony, chanting and beating the wooden fi sh. When the ceremony came to an end, I turned and looked again at the Master, who now smiles radiantly through the traces of his recent tears. I was not the only one who had noticed the Master weeping. In fact, I think nearly everyone was a bit confused. Then the Master offered a brief explanation (which I paraphrase here), saying, "Some of you probably noticed that I was crying during the Liberating Life Ceremony and you may have wondered why. Well, I'll tell you. The reason I wept was because I realized one of these birds had been a monastic disciple of mine in a previous life. But this monastic strayed from the path, and eventually strayed so far that now he has been rebirth as a bird. It was because of this that I couldn't help but weep out pity."

thật về mối quan tâm của ngài dành cho đệ tử. Sư Phụ khóc cho một chú chim nhỏ chứng tỏ lòng từ của ngài bao la đến nỗi trải đến khắp mọi chúng sinh.

The ceremony at Western Bliss Gardens was an unforgettable experience for me. The fact that Master would shed tears over the karmic fate of one disciple shows the depth and genuineness of his concern for disciple. His weeping for a little bird shows me that the Master's compassion is so far-reaching that it really does extend to all living beings.

Thất Và Pháp Hội Tại Vạn Phật Thánh Thành Năm 2014

- **Lễ Vu Lan:** Chủ Nhật 10 tháng 8
- **Thất Địa Tạng:** từ Chiều 23 tháng 8 (Sái Tịnh Đạo Tràng) đến 30 tháng 8
- **Lễ Địa Tạng Bồ Tát Đản Sanh:** Chủ Nhật 24 tháng 8
- **Thất Quán Âm:** từ Chiều 11 tháng 10 (Sái Tịnh Đạo Tràng) đến 18 tháng 10
- **Lễ Bồ Tát Quán Âm Xuất Gia:** Chủ Nhật 12 tháng 10
- **Thất A Di Đà:** từ Chiều 20 tháng 12 (Sái Tịnh Đạo Tràng) đến 27 tháng 12
- **Lễ Phật A Di Đà Đản Sanh:** Chủ Nhật 21 tháng 12
- **Ba Tuần Thiền:** từ Chiều 28 tháng 12 (Sái Tịnh Đạo Tràng), 2014 đến 18 tháng 1, 2015

Thư Chân Hành Giả

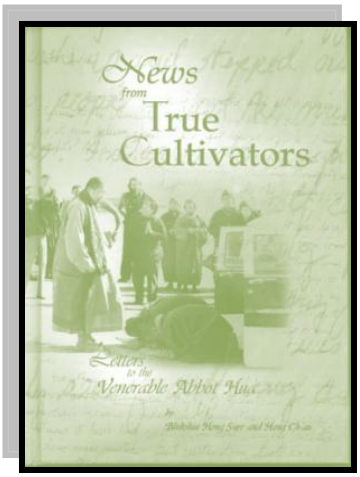

Nguyên Tác: *News From True Cultivators* published by the Buddhist Text Translation Society, Dharma Realm Buddhist University, City of Ten Thousand Buddhas, Talmage, California - 2003

Vở Kịch Lớn

Tháng 5 năm 1979

Bãi biển Stinson, Olema, Nhà ga PT. Reyes và Points North

Kính bạch Sư Phụ,

Những ngôn ngữ của các chúng sanh

Trong đó rốt ráo vô sở đắc.

Rõ biết danh tướng đều phân biệt.

Hiểu rõ các pháp đều vô ngã.

Kinh Hoa Nghiêm - Phẩm Thập Hồi Hướng

Bái lạy dọc theo một quãng đường quốc lộ dài vắng vẻ - bên phải là Rừng Quốc Gia Mt. Tamalpais, bên trái là Thái Bình Dương – không khí buổi sáng mát lành, tĩnh lặng và thanh tịnh. Trái lại, trong tâm trí con là một rạp xiếc của sự ngụy biện, tranh luận ngu ngốc về việc sẽ tu hành cái gì để chấm dứt tâm phân biệt và đạt tới vô ngã.

Bước đi nặng trĩu những lời chỉ dẫn, tất cả đều bị hiểu sai. Dùng đạo lý để kiểm soát từng cử động, từng bước đi, phải làm sao cho đúng. Đúng ư? Sai rồi! Tại sao? Vì nghĩ ngợi không thể trị được vọng tưởng. Hễ con nghĩ mình đã hiểu bản thân và sự tu hành thì cũng là lúc không phải như vậy. Cái hiểu đó là giả. Dùng ngôn từ để phân biệt ngôn từ là một mê cung vô tận, là cái bẫy của phiền não, là đường cùng và là một trở ngại lớn.

Có gì không ổn ở đây nhỉ? Nó đang gắn với niệm tham ái rằng trong cảnh giới của ngôn từ và suy nghĩ, có thứ có thể nắm bắt được. Nó đang truy cầu, và trong Kinh có nói"Mọi thứ rốt ráo đều bất khả đắc".

Con đưa câu Kinh vào trong khối óc, và ra rồi! Cả cái rạp xiếc rơi vào im lặng. Tâm con bỗng nhiên thấy nhẹ như một cơn gió thoảng.

Đạt vô cầu xứ tiện vô ưu. (Đạt đến chỗ "không mong cầu" tất hết lo)

Tất cả đều là một vở kịch! Không có gì là thật cả. Ha! Con đã lo lắng tìm kiếm cái lợi ích nhỏ bé và lừa gạt mình đi vào vở kịch. Phiền não tức Bồ đề, nhưng cần phải dụng công mới chuyển được.

Bồ tát biết tất cả chỉ là một vở kịch lớn. Ngài không bị dính vào đạo cụ, Ngài không chấp vào cảnh vật, Ngài không biến hoàn cảnh của mình thành nghiêm trọng. Ngài muốn mọi chúng sanh biết được rằng đừng chấp pháp, kể cả thân này. Không có gì là tồn tại cả. Ngay khi coi thế giới này là thật thì cũng là lúc nhận lấy khổ đau.

Sự thật căn bản của Phật pháp là: mọi thứ đều là khổ do vô minh và ái dục đã được huân tập. Nó dựa trên tà kiến về sự tồn tại của cái "tôi" và "của tôi", và con thấy rõ nó trở lại mỗi khi con cố điều khiển thế giới này bằng sức mạnh của thân, khẩu, ý. Khi con xả bỏ tất cả và chỉ tu đạo với một trái tim hoan hỷ, thanh tịnh thì mọi thứ lại đâu vào đó.

Các báo, tùy nghiệp sanh

Giả dối như giấc mơ

Luôn luôn thường diệt hoại

Không người tác nghiệp

Kinh Hoa Nghiêm - Phẩm Bồ Tát Vấn Minh

Đó là bí mật. Bồ tát dùng pháp nói với ngài rằng mọi cảnh giới đều bình đẳng, trống rỗng và vô ngã. Và với trí huệ này, ngài giải thoát khỏi khổ đau. Không còn tự ngã thì ai lo lắng đây? Không còn tự ngã thì ai cảm giác đau khổ? Còn có gì để tham ái trong khi tự ngã không còn mong cầu cái lợi cho "số 1 của ngày xưa" nữa?

Một người bình thường, trước khi tu hành, có thể nghe những lời này và nói "Nhưng làm sao có thể như vậy được chứ? Hãy nhìn đống hóa đơn chưa thanh toán trên bàn tôi đi! Hãy nhìn những tờ báo đầy rẫy cái xấu và nỗi khổ đau bất tận mà xem! Hãy nhìn 2 chỗ húp dưới mắt tôi. Hôm nay tôi phải đầu tắt mặt tối và tôi chán ngán lắm rồi! Kinh lại nói rằng đó là một vở kịch. Làm sao tôi có thể tin được chứ?"

Như mặt gương sáng sạch

Tùy theo cảnh đối tượng

Hiện bóng sai khác nhau

Nghiệp tánh cũng như vậy.

Kinh Hoa Nghiêm - Phẩm Bồ Tát Vấn Minh

Vậy thì tại sao lại không buông xuống cái giả và lo tu Đạo? Tại sao con không nhận thấy sự thanh tịnh, bình đẳng của Phật pháp vô thượng? Tại sao lại không? Bởi vì từ kiếp vô thủy vô chung con đã bị rơi vào cái bẫy của vở kịch, lang thang qua các màn kịch bất tận của Vở Kịch Lớn. Bị lòng nghi ngờ che mờ, bị nỗi sợ hãi thúc đẩy, con đã không tin vào con đường giải thoát. Tu tập hoàn toàn tùy thuộc vào mỗi người. Con gieo nhân gì thì sẽ gặt quả nấy.

Cũng như ruộng gieo giống

Chúng đều chẳng biết nhau

Tự nhiên mọc lên cây

Nghiệp tánh cũng như vậy.

Kinh Hoa Nghiêm - Phẩm Bồ Tát Vấn Minh

Chư Phật và Bồ tát đã nhẫn nại nói đi nói lại với chúng ta rằng "Mọi chuyện đều ổn cả. Căn bản không hề có rắc rối nào, nhưng chúng ta cứ tự rước rắc rối cho mình. Hãy dừng sự luyên thuyên của tâm trí và mọi sự đều được giải quyết".

Hôm nay con có thể viết ra điều này một cách dễ dàng. Nhưng do nghiệp vô minh nặng nề và sự ham cầu, hôm nay con sẽ có khả năng ra ngoài và lại bắt đầu hối thúc con đường Đạo trong tâm trí. Hôm qua con đã như vậy và bắt được cả lồng ma qủy. Con sẽ tiếp tục làm vậy cho đến khi nhân mà con đã gieo trong quá khứ bị mất hết. Trong khi ấy, con sẽ không có ý định dừng tu tập và than vãn về vận rủi và sự ngu si của quá khứ. Giờ con muốn gieo trồng những hạt giống thiện. Tín tâm của con đối với phước điền của Phật ngày càng lớn.

Tuần này chúng con bái lạy trong trời gió mạnh, mặt đen kịt vì cát bụi, tập trung vào đan điền ở giữa cơ thể để không bị thổi về phía sau mỗi lần đứng dậy.

Một người đàn ông dừng xe tải và nói "Thật đáng kinh ngạc. Các Thầy chỉ dùng tâm để vượt qua mọi trở ngại và khổ đau sao?"

Con nghĩ "Đúng vậy, và không phải buồn cười sao khi tâm cũng chính là nguồn gốc của chướng ngại và khổ đau?" Nếu biết rằng tất cả chỉ là một vở kịch và đừng để tâm bám chấp và cái thiện hay tránh xa cái bất thiện, hãy chỉ ra ngoài và tu tập hạnh thanh tịnh để làm lợi cho người thì chướng ngại và khổ đau không thể cản trở được, và chúng cũng không làm khổ ta được. Tất cả đều bình đẳng. Nó không khiến bạn bớt đau nhưng nó cũng không làm phiền bạn nữa. Không có gì quan trọng

cả, kể cả sinh tử. Không còn gì quan trọng nữa. "Nếu con có thể hiểu thực sự rằng mọi việc đều OK, chỉ từng đó nhưng vi diệu không thể nói hết" đó là lời Hòa Thượng nói vào tháng trước, gần Bolinas Lagoon.

Kinh nói rằng:

Nếu được nơi thế gian

Trọn xa lìa chấp trước

Vô ngại lòng hoan hỷ

Nơi pháp được khai ngộ.

Kinh Hoa Nghiêm - Phẩm Đâu Suất Kệ Tán

Người đàn ông kia hỏi "Các Thầy không dùng đồ đạc (tư lương) gì đặc biệt sao?" Con nghĩ "Thực ra thì có đấy". Y giới này khiến chúng con có thể quay về. Chúng con có cuốn Kinh chỉ đường (Đạo). Chúng con có Thiện tri thức bảo vệ và chỉ dạy. Chúng con đang nuôi dưỡng tín tâm đối với Tam Bảo. Chúng con hổ thẹn vì phải mất rất lâu để thức tỉnh và quay về chân thật tu hành. Đây đều là tư lương. Nhưng nó sẵn có cho tất cả mọi người.

Đệ tử của Phật,

Quả Chân (Hằng Thật)

Cung kính đảnh lễ

KINH THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ-LA-NI THIỂN THÍCH

Đời Đường, Tây Thiên Trúc, Sa-Môn Già Phạm Đạt Ma dịch

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng thuật (tại Phật Giáo Giảng Đường, thành phố San Francisco, Hoa Kỳ, năm 1969)

(tiếp theo)

KINH VĂN:

Âm: A-NAN BẠCH PHẬT NGÔN: "THẾ TÔN! THỬ BỒ-TÁT MA-HA-TÁT DANH TỰ HÀ ĐẲNG, THIỆN NĂNG TUYÊN THUYẾT NHƯ THỊ ĐÀ-LA-NI?"

PHẬT NGÔN: "THỬ BỒ-TÁT DANH QUÁN THẾ ÂM TỰ TẠI, DIỆC DANH NHIÊN SÁCH, DIỆC DANH THIÊN QUANG NHÃN.

THIỆN NAM TỬ! THỬ QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT, BẤT KHẢ TƯ NGHỊ UY THẦN CHI LỰC, DĨ Ư QUÁ KHỨ VÔ LƯỢNG KIẾP TRUNG, DĨ TÁC PHẬT CÁNH, HIỆU CHÁNH PHÁP MINH NHƯ LAI, ĐẠI BI NGUYỆN LỰC, VI DỤC PHÁT KHỞI NHẤT THIẾT BỒ TÁT, AN LẠC THÀNH THỤC CHƯ CHÚNG SANH CỐ, HIỆN TÁC BỒ TÁT."

Nghĩa: **A Nan bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Vị Bồ Tát Ma Ha Tát này tên gọi là gì mà khéo tuyên nói Đà La Ni như thế?** "

Đức Phật bảo: "Vị Bồ Tát này tên là Quán Thế Âm Tự Tại, cũng tên là Nhiên Sách, cũng tên là Thiên Quang Nhãn.

"Này thiện nam tử! Vị Bồ Tát Quán Thế Âm này thần thông oai lực không thể nghĩ bàn, trong vô lượng kiếp về trước đã từng thành Phật, hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Vì nguyện lực đại bi, vì muốn làm duyên phát khởi cho tất cả các Bồ Tát, an vui thành thục cho mọi chúng sanh, mà hiện làm Bồ Tát."

LƯỢC GIẢNG:

A Nan bạch cùng Đức Phật rằng... Tôn giả A Nan vốn là em bà con của Phật và là con của vua Hộc Phạn; trong Phật Giáo, ngài A Nan là bậc đa văn đệ nhất--đứng đầu về đa văn. Thế nào gọi là "đa văn"? "Đa văn" tức là nghe được nhiều, sức ghi nhớ cũng là đệ nhất. Ngài A Nan chỉ nghe qua một lần là liền ghi nhớ, không bao giờ quên. Vì sao Ngài có được trí nhớ mạnh mẽ như vậy? Đó là nhờ trong những đời ở quá khứ, Ngài đã từng tu Định lực và tu được rất nhiều. Do Định lực đầy đủ, cho nên Ngài không bị tán loạn; nhờ không tán loạn nên chỉ nghe qua một lần là nhớ mãi. Chính nhờ thế mà kinh điển do Đức Phật tuyên thuyết, ngài A Nan đều có thể ghi nhớ và chép lại toàn bộ, không sót một chữ.

Tướng mạo của Tôn giả A Nan rất giống Đức Phật--Phật có 32 tướng tốt thì A Nan cũng có được 30 tướng hảo, cho nên tướng mạo của A Nan đặc biệt viên mãn. Tên "A Nan" vốn là phiên âm từ tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung Hoa là Khánh Hỷ [mừng vui]. Vì sao gọi là "Khánh Hỷ"? Bởi vì Ngài A Nan ra đời nhằm ngày Đức Phật thành Đạo--Phật thì thành Đạo, A Nan cũng vừa chào đời, cho nên được gọi là Khánh Hỷ, toàn là chuyện vui cả.

Tôn giả A Nan đối trước Phật mà thỉnh hỏi rằng: **"Bạch Đức Thế Tôn! ..."** Thế nào gọi là Thế Tôn? "Thế" là thế gian, "tôn" là "thế xuất thế chi tôn," tức là sự tôn quý nhất trong thế gian và xuất thế gian. **"Vị Bồ Tát Ma Ha Tát này tên gọi là gì mà khéo tuyên thuyết Đà La Ni như thế?"** Chẳng hay tôn danh của vị Đại Bồ Tát này là gì mà vị ấy có thể khéo léo diễn thuyết thần chú tổng trì như thế. "Tuyên thuyết" chính là tuyên diễn, tuyên thuật, nói ra, thuật lại. "Đà La Ni như thế" tức là Đà La Ni đã nói đến ở phần trước.

Đức Phật bảo, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trả lời ngài A Nan rằng**: "Vị Bồ Tát này tên là Quán Thế Âm Tự Tại."** "Quán," tức là quán sát, cũng chính là dùng trí huệ năng quán của Bồ Tát để quán sát. Quán sát cái gì? Quán sát âm thanh của thế giới--âm thanh của thế giới cũng chính là cảnh giới sở quán. Cảnh giới sở quán của vị Bồ Tát này là gì? Đó là vô số cảnh giới của tất cả chúng sanh--tất cả những chúng sanh thiện, chúng sanh ác, chúng sanh mạnh, chúng sanh yếu, vô số chủng loại--âm thanh của hết thảy chúng sanh là cảnh giới mà Bồ Tát quán sát. Lấy trí tuệ năng quán để quán sát cảnh giới sở quán. Thế nhưng, ngay trong lúc này nếu không có định lực, thì sẽ như thế nào? Do Bồ Tát có đại định, cho nên đạt được tự tại; vậy sự tự tại này là gì? Đó cũng chính là biểu hiện của định lực! Nếu không có định lực thì sẽ không được tự tại; không tự tại thì sẽ bị tám gió (bát phong) làm lay chuyển, dao động, chao đảo.

Về Bát phong, tám thứ gió này, thì tôi đã giảng rất nhiều lần rồi, không biết là quý vị có còn nhớ hay không? Thôi thì hôm nay tôi giảng lại một lần nữa vậy. Bát phong chính là tám loại cảnh giới. Người không có định lực thì sẽ chạy theo tám loại cảnh giới; người có định lực thì sẽ không bị tám loại cảnh giới này làm cho dao động. Trước đây, Tô Đông Pha và Thiền Sư Phật Ấn thường hay gặp gỡ, đàm đạo với nhau. Tô Đông Pha ngày ngày ở tại Giang Nam ngồi tham thiền, cảm thấy cảnh giới của mình là cao nhất rồi. Một bữa nọ, ông cảm thấy như chính mình đang được ngồi trên tòa sen vàng, đạt tới cảnh giới "như như bất động, liễu liễu thường minh" rồi vậy. Ôi! Loại cảnh giới này quả không còn gì cao hơn được nữa! Ông bèn viết một bài thơ, rằng:

Khể thủ Thiên Trung Thiên,
Hào quang chiếu đại thiên,
Bát phong xuy bất động,
Đoan tọa tử kim liên.

Nghĩa là :
Cúi lạy Thiên Trung Thiên,
Hào quang sáng đại thiên,
Tám gió khôn lay động,
Ngồi vững trên tòa sen.

"Khể thủ thiên trung thiên." "Khể thủ" nghĩa là khấu đầu, cúi lạy. "Thiên Trung Thiên" tức là Phật--Phật là trời của trời, thánh của thánh, đối với cảnh giới cao nhất, thì không có cảnh giới nào cao hơn cảnh giới của Phật; trong cảnh giới thấp nhất, cũng không có cảnh giới nào thấp hơn cảnh giới Phật. Phật là tận cùng cõi hư không, bao trùm khắp Pháp Giới, cho nên không có cao, cũng chẳng có thấp.

Vậy, Tô Đông Pha hướng về Phật cúi đầu đảnh lễ và thấy rằng "hào quang chiếu khắp đại thiên"--ông cảm thấy thân thể mình bỗng nhiên toả sáng và ánh sáng đó soi trời rọi đất, chiếu sáng khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Sau đó, ông nói rằng: "Bát phong xuy bất động." "Bát phong" là gì? Bây giờ tôi sẽ giảng cho quý vị hiểu rõ. "Bát phong" là tám thứ gió và đó là xưng (tán tụng), cơ (dèm pha), khổ (buồn khổ), lạc (vui sướng), lợi (lợi ích), suy (suy diệt), và đắc (được), thất (mất) ; cũng có sách nói là hủy (chê bai), dự (khen ngợi).

1) Xưng là xưng tán, ca tụng, tâng bốc. Ví dụ có người khen ngợi quý vị rằng: "Này cư sĩ, ông quả là người có tâm Bồ Đề rộng lớn. Chà! Ông đích thực là một vị hộ pháp vĩ đại, công đức này của ông thật vô cùng to lớn." Cứ thế, bên trái thì người này đội cho quý vị một cái mũ cao, bên phải thì kẻ khác lại chụp lên đầu quý vị một cái nón cao chẳng kém--không biết người ta đã tặng cho quý vị bao nhiêu cái mũ cao nữa, mà quý vị đội lên thấy cao ngất trời, đến nỗi đâm thủng nóc của 33 tầng trời, thấu lên tới cõi trời 34 ! Lúc bấy giờ, quý vị thấy dương dương tự đắc: "Wow ! Mình thật tài giỏi! Nếu không thì sao mọi người lại tấm tắc ngợi khen mình đến thế?" Nghĩ như thế thì trong lòng quý vị cảm thấy rộn ràng, háo hức, huơ chân múa tay. Thế nào gọi là hoa chân múa tay? Là tay thì vung vẩy tới lui, chân thì không ngớt nhảy nhót, nhảy nhổm lên rất thích thú. Đây đích thị là bị trúng gió rồi--bị ngọn gió "tâng bốc" thổi trúng, bốc quý vị lên đến tận mây xanh! Quý vị vốn đã được đội cho chiếc mũ cao như vậy rồi, lại nhảy lên trời một cái là đến tận "bán thiên vân" ngay ! Đây là ngọn gió "xưng tán" đã thổi trúng quý vị rồi đó.

2) Cơ tức là cơ phúng, cơ thích, có nghĩa là châm biếm, chế giễu người khác. Thế nào gọi là châm biếm? Chẳng hạn biết được quý vị tham cầu học Phật Pháp, có người liền ra vẻ trầm trồ: "Vâng! Ông ấy đang học Phật Pháp. Đó là điều tốt đẹp nhất!" với một giọng điệu đưa đãi, nghe mà thấy xốn xang như bị người ta cầm dao chọc vào tai của quý vị vậy--đó chính là 'cơ phúng' (châm biếm, châm chọc). Nói tóm lại, quý vị không muốn nghe về một đạo lý nào đó mà có người lại cứ kề tai kể lể, thóc mách hoài khiến cho quý vị cảm thấy khó chịu, liền bực bội bỏ đi. Thế là đã nổi giận rồi, một khi sự nóng giận đùng đùng nổi lên thì lửa vô minh bốc cao ngùn ngụt đến cả ba ngàn trượng. Đây chính là quý vị đã bị một trận gió cơ thổi trúng làm quý vị nổi giận.

3) Khổ chính là rất khổ, rất rất khổ. Ở đây, không phải là nói đến thức ăn có vị khổ (đắng), mà là muốn nói về cái cảm giác vô cùng khổ não mà mình gặp phải. Cái "Khổ" này chính là lo lắng; một khi lo lắng thì liền nổi giận; khi nổi giận thì máu trong người dường như đều cháy khô, cạn kiệt; khô cạn rồi, thì miệng cũng đắng, răng cũng đau, tai cũng ù cũng điếc, bao nhiêu bệnh tật đều dồn dập ập tới! Ngọn gió khổ này đã thổi tới cho quý vị biết bao nhiêu sự khổ đau, nào là chau mày cau có, mắt thì hoa, tai lại điếc, lại còn đau răng nữa. Đây chính là đau khổ !

4) Lạc nghĩa là những việc đem lại cảm giác khoái lạc, mừng rỡ, vui sướng. Giả sử rằng tất cả những người mà quý vị gặp gỡ đều là người mà quý vị rất ưa thích, ai nấy đều đối xử với quý vị rất tử tế. Quý vị lại còn được ăn ngon, được mặc đẹp, được ở nhà cao cửa rộng, ra vào đều có xe đưa xe rước nườm nượp. Cho nên, khi ấy quý vị cảm thấy rất vui vẻ, sung sướng. Một khi đã vui thích rồi thì tâm hồn thấy lâng lâng bay bổng, đến nỗi bản thân mình là người như thế nào quý vị cũng quên bẵng! Vui quá, quên lo. Đây là quý vị bị ngọn gió lạc làm cho mê muội hồ đồ, tưởng chừng như mình đã thành tiên thành Phật rồi vậy. Lúc bấy giờ, quý vị sẽ không còn muốn tu hành nữa bởi vì quá vui sướng, phấn khởi! Vậy, khoái lạc cũng là một loại gió có thể làm lay động lòng người, quý vị đừng nên cho rằng được sống trong sự khoái lạc là một điều tốt đẹp.

5) Lợi, chính là lợi ích, có được sự lợi ích, lợi nhuận. Ví dụ như quý vị mua cổ phiếu và trị giá lúc mua là 500 đồng. Không quá ba ngày sau, giá cổ phiếu tăng lên gấp bốn lần, thành ra giá trị là 2.000 đồng, tức là có lời rồi. Bấy giờ, quý vị cảm thấy phấn khởi: "A! Phen này mình phát tài thật rồi!" Đây cũng chính là bị gió "lợi" thổi trúng, làm cho quý vị động tâm.

6) Suy chính là lụn bại, sa sút. Ví dụ như có 100 gian nhà lớn, có ngọn lửa không biết từ đâu đến thiêu rụi cả 100 buildings này, như thế gọi là suy. "Suy" đem đến cho quý vị sự phiền não đau khổ, không an vui.

7) Đắc nghĩa là có được. Ví dụ như đang đi trên đường thì nhặt được năm trăm vạn đồng. Trong lòng cảm thấy rất vui mừng, đây gọi là "đắc."

8) Thất là mất, sau khi quý vị đã "đắc" được rồi, thì chẳng bao lâu lại bị mất đi, cho nên trong lòng cảm thấy không vui. Mới vui đó giờ lại buồn đó.

Hủy, tức là hủy báng, nói xấu, chê bai. Dự, tức là xưng tán, ca ngợi. Ý nghĩa của "hủy, dự" và "xưng, cơ" cũng chẳng sai biệt nhau bao nhiêu, do đó có thể đổi là "xưng, cơ" hay là "hủy, dự." Nếu quý vị không có định lực, thì sẽ bị tám ngọn gió này làm lay chuyển. Thế nhưng, nếu quý vị có định lực, thì khi tám ngọn gió này ùn ùn kéo tới, quý vị sẽ chẳng bị lay động cũng chẳng bị chao đảo, dửng dưng như không có chuyện gì xảy ra—như thế mới gọi là "bát phong xuy bất động."

Tô Đông Pha tự cho rằng mình là bát phong xuy bất động, "đoan tọa tử kim liên". Ông ta ngồi ngay ngắn trên tòa sen tử kim liên, trong cảnh giới như như bất động, liễu liễu thường minh. A! Thật là cao diệu phi thường, ông ta cảm thấy thật là vi diệu đến không thể diễn tả được. Thế là ông ta liền viết xuống, rồi gửi cho Thiền Sư Phật Ấn, thỉnh ngài ấn chứng xem phải chăng ông đã được khai ngộ. Thiền Sư Phật Ấn rất thú vị, bèn phái một người thị giả mang bài thơ này về cho Tô Đông Pha; và ngài cũng chẳng nói gì cả mà chỉ phê vào mặt sau trang giấy có bài thơ đó bốn chữ. Bốn chữ này hoàn toàn chẳng có gì là cao thâm cả, mọi người đều có thể hiểu được, đó là: "Đánh rắm! Đánh rắm!" Tô Đông Pha xem xong rất đỗi ngạc nhiên : "A , ta làm bài thơ hay như vậy, sao Phật Ấn lại chê là đồ rắm thối? Quả là láo xược!"

Thế là không cần phải cả tám ngọn gió, chỉ mới có một ngọn gió—hai chữ "đánh rắm"--thôi đã làm cho Tô Đông Pha phải lồng lộn, nhảy nhổm lên. Từ Giang Nam ông ta tức tốc bay qua Giang Bắc và đi ngay tới Chùa Kim Sơn, tìm gặp Thiền Sư Phật Ấn. Vừa vào đến cửa, ông ta hùng hùng hổ hổ quát lớn : "Lão hòa thượng này, sao ông lại mắng chửi người ta như thế chứ ?"

-"A, tôi làm thơ hay như thế, đó là kiến giải công phu tu tập của tôi, tôi đạt đến trình độ nào thì viết ra bài thơ như thế ấy, tại sao ngài lại nói tôi là đồ rắm thối?"

Thiền sư Phật Ấn nói: "Theo ý nghĩa của bài thơ mà ông làm thì ông đã đạt đến cảnh giới bát phong xuy bất động rồi, thế thì tại sao tôi chỉ nói có hai chữ, mà đã khiến cho ông phải lập tức băng sông vượt suối tìm đến tận đây?"

Tô Đông Pha nghe Phật Ấn nói như thế thì ngẩn người ra và cảm thấy hổ thẹn không còn lời nào để nói nữa, cảm thấy tự mình định lực còn kém cỏi ; nếu có đủ định lực thì bát phong không thể làm lay động, cho dù có bị Thiền sư Phật Ấn phê bình tệ hại hơn thế nữa vẫn có thể chịu được, chứ sá gì hai chữ "rắm thối" này ! Tự nhận thấy mình công phu chưa thành ông vội vàng cúi đầu đảnh lễ, thỉnh Thiền sư chỉ bảo thêm cho, và sau đó trở về dụng công tinh tấn tu hành thêm lên.

Vì sao Tô Đông Pha lại tức tốc từ Giang Nam tìm đến Giang Bắc? Do ông ta chưa có được sự tự tại trước lời phê bình, chỉ trích. Nếu như ông giống Quán Thế Âm Bồ Tát, có sức năng quán sát, thì ông không cần lặn lội đến Giang Bắc. Cho dù Phật Ấn có nói ông "rắm thối" cũng được, không "rắm thối" cũng xong, Phật Ấn muốn nói thế nào cũng được, không liên quan gì đến ông cả, phải như thể ông không nghe thấy gì cả! Như thế mới thật sự là có công phu tu hành. Được như thế thì Thiền sư Phật Ấn mới bái phục ông. Đằng này, Thiền sư Phật Ấn chỉ cần xuất một chiêu thôi là ông đã bị đánh gục ngay. Điều đó cho thấy công phu tu hành của ông còn chưa tới đâu, chưa chứng ngộ được gì cả vậy.

" **Cũng tên là Nhiên Sách**." Vị Bồ tát này thường cầm trong tay một sợi quyên sách. Trong 42 Thủ Nhãn không phải có một thủ ấn tên là Quyên Sách Thủ sao? Đó chính là Nhiên Sách. Nhiên Sách chính là cầm sợi dây quyên sách này. Ngoài ra, Bồ tát "**cũng tên là Thiên Quang Nhãn**." Ngài còn được gọi là Bồ tát Thiên Quang Nhãn.

"**Thiện nam tử!**" Đức Phật gọi ngài A Nan: "Thiện nam tử! **Bồ tát Quán Thế Âm có sức oai thần không thể nghĩ bàn này, trong vô lượng kiếp về trước,** trong nhiều đại kiếp không tính đếm được ở quá khứ Ngài **đã thành Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai.** Vị Bồ Tát này **vì nguyện lực đại từ bi**, do không bỏ nguyện lực đại từ đại bi của mình, vốn là nguyên lực đại bi mà ngài đã phát nguyện trước kia, **vì muốn làm duyên phát khởi cho tất cả Bồ tát.** Ngài muốn khiến tất cả Bồ tát đều phát Bồ đề tâm, hành Bồ tát đạo, và v**ì muốn an lạc thành thục chúng sinh**, cũng bởi Ngài muốn cứu độ chúng sinh cho mọi loài đều đạt được sự an lạc, cho nên **Ngài hiện làm Bồ tát**. Ngài vốn là Chánh Pháp Minh Như Lai, và nay Ngài thị hiện là Quán Thế Âm Bồ tát.

KINH VĂN:

Âm: "NHỮ ĐẲNG ĐẠI CHÚNG, CHƯ BỒ-TÁT MA-HA-TÁT, PHẠM THÍCH LONG THẦN, GIAI ƯNG CUNG KÍNH, MẠC SANH KHINH MẠN. NHẤT THIẾT NHÂN THIÊN, THƯỜNG TU CÚNG DƯỜNG, CHUYÊN XƯNG DANH HIỆU, ĐẮC VÔ LƯỢNG PHÚC, DIỆT VÔ LƯỢNG TỘI, MẠNG CHUNG VÃNG SANH A-DI-ĐÀ PHẬT QUỐC."

Nghĩa: **"Vậy ông và đại chúng, các hàng Bồ tát Ma ha tát, Phạm vương, Đế Thích, Long Thần đều nên cung kính, chớ sanh lòng xem thường. Nếu tất cả hàng trời, người thường cúng dường, chuyên tâm xưng niệm danh hiệu, thì sẽ được vô lượng phước, diệt vô lượng tội, lúc mạng chung sẽ được vãng sanh về cõi nước của Phật A Di Đà."**

LƯỢC GIẢNG:

Ông và đại chúng, hiện tại các vị, tất cả đại chúng có mặt và không có mặt trong pháp hội, cùng "**chư Bồ tát Ma ha tát,**" tất cả các Bồ tát, đại Bồ tát, và " **Phạm Thích Long Thần**." Phạm chính là Đại Phạm Vương; Thích là Đế Thích. Đại Phạm Thiên Vương chính là vua của một cõi thanh tịnh trên trời, rất ung dung tự tại, nên còn gọi là Đại tự tại thiên. Thích là Đế Thích, tức là trời Đế Thích, cũng là chủ trong tất cả cõi trời; trong Chú Lăng Nghiêm, vị trời này có tên là Nhân Đà La--"Nam mô Nhân Đà La Da" chính là chỉ vị trời này. Long tức là loài rồng ở trên trời; Thần là nói chung tất cả các vị thần. Tất cả **đều nên cung kính** Quán Thế Âm Bồ tát**, chớ sanh lòng xem thường** Quán Thế Âm Bồ tát. Tất cả loài người ở thế gian và ở cõi trời **nên thường cúng dường** Quán Thế Âm Bồ tát, **chuyên tâm xưng niệm** danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ tát, tất có thể **đạt được phước đức vô lượng**, có thể **diệt trừ vô số tội lỗi, lúc mạng chung nhất định sẽ được vãng sanh về cõi nước của Phật A Di Đà**. Vì thầy của Bồ Tát Quán Âm chính là Phật A Di Đà, nếu quý vị niệm danh hiệu của đệ tử Ngài, thì tương lai quý vị có thể được sanh về thế giới Cực Lạc, quốc độ của Ngài.

(còn tiếp)

Phật Tổ Đạo Ảnh

Đệ bát tổ: TÔN GIẢ PHẬT-ĐÀ-NAN-ĐỀ

Phiên âm Hán việt:

Tôn giả, Ca-Ma-La quốc nhân dã. Đỉnh hữu nhục kế, biện tài vô ngại. Sơ kiến Thất Tổ luận nghĩa, Tổ viết : "Nhân giả ! Luận tức bất nghĩa, nghĩa tức bất luận. Nhược nghĩ luận nghĩa, chung phi nghĩa luận." Tôn giả tri Tổ nghĩa thắng, tâm tức khâm phục, viết : "Ngô nguyện cầu đạo, triêm cam lồ vị." Tổ toại dữ thế độ thọ cụ, phó dĩ Đại Pháp, kệ viết :

Tâm đồng hư không giới

Thị đẳng hư không pháp

Chứng đắc hư không thời

Vô thị vô phi pháp[1]

Tôn giả đắc pháp dĩ, lãnh chúng hành hóa chí Đề-Già quốc, chuyển phó pháp ư Phục-Đà-Mật-Đa, tức hiện thần biến, khước phục bổn tòa, đoan nhiên thị tịch. Nhĩ thời chúng kiến bảo tháp, táng kỳ toàn thân.

Tổ thứ 8: TÔN GIẢ PHẬT-ĐÀ-NAN-ĐỀ

Dịch:

Tôn giả là người nước Ca-Ma-La. Tôn giả có một cục thịt nổi lên trên đỉnh đầu, có tài biện luận lưu loát. Lần đầu gặp Tổ thứ bảy, tôn giả đến luận bàn về nghĩa lý. Tổ nói: "Nầy nhân giả ! Luận tức chẳng phải nghĩa, nghĩa tức chẳng phải luận. Nếu (suy) tính luận nghĩa thì trọn chẳng phải nghĩa luận." Tôn giả biết rằng lý của Tổ cao vời, khởi lòng khâm phục, thưa rằng: "Con nguyện cầu đạo để được thưởng thức vị cam lồ." Tổ bèn cho cắt tóc xuất gia thọ giới Cụ túc. Tổ truyền pháp và đọc kệ rằng :

Tâm đồng với hư không

Chỉ cho pháp hư không

Khi đã chứng hư không

Hết pháp phi và thị

Được pháp rồi, tôn giả lãnh các đệ tử đi du hóa. Đến nước Đề-Già thì truyền pháp lại cho Phục-Đà-Mật-Đa, xong hiện thần thông biến hóa, rồi trở lại chỗ cũ, ngồi ngay thị tịch. Lúc bấy giờ đồ chúng xây bảo tháp rồi an táng toàn thân trong đó.

Tán viết :

Luận tức phi nghĩa

Nhất ngữ tiện liễu

Khuếch triệt linh nguyên

Tản khước trân bảo

Cam lồ môn khai

Tam canh nhật cảo

Kim chi cổ chi

Thanh quang kiểu kiểu.[2]

Dịch :

Luận tức chẳng phải nghĩa

Một lời liền khai ngộ

Quán triệt tới ngọn nguồn

Gạt mọi thứ quý giá

Cửa cam lồ rộng mở

Canh ba tợ trời sáng

Từ xưa cho đến nay

Thanh tịnh rực rỡ sáng.

(Tuyên Hóa Thượng Nhân)

Hoặc thuyết kệ viết :

Đỉnh sinh nhục kế thị chân nguyên

Tùy hình tướng hảo nguyện lực kiên

Vô ngại biện tài thâm bát nhã

Đại khai viên giải nghĩa luận huyền

Tâm đồng hư không siêu pháp giới

Lượng bao vũ trụ nhập vi tiên

Tức hiện thần biến hoàn bổn tọa

Tam canh cảo nhật tự minh thiên[3]

(Tuyên Hóa Thượng Nhân tác)

Dịch :

Đỉnh đầu nhục kế rõ căn nguyên

Tướng tốt dáng hình nguyện lực kiên

Biện luận tài cao thâm bát nhã

Diễn đàn nghị luận nghĩa diệu huyền

Tâm đồng hư không siêu pháp giới

Lớn sánh trời đất, nhỏ vi trần

Hiện đủ thần thông về chỗ cũ

Mặt trời như mọc giữa đêm đen

(Tuyên Hóa Thượng Nhân)

Giảng:

Tôn giả, Ca-Ma-La quốc nhân dã: Tổ thứ 8, Phật-Đà-Nan-Đề là người nước Ca-Ma-La, xứ Ấn-Độ.

Đỉnh hữu nhục kế, biện tài vô ngại: Ngày tôn giả sanh ra đời, trên đỉnh đầu có một cục thịt, như chúng ta thấy trên hình tượng của ngài có một cục nổi lên trên chóp đầu. Ngài có tài biện luận, ai tranh luận với ngài cũng đều bị thua.

Sơ kiến Thất Tổ luận nghĩa: Lần đầu tiên gặp tổ Bà-Tu-Mật, tôn giả tới để luận bàn nghĩa lý với Tổ. Đây là nói cái "nghĩa" ngoài "lời", chẳng phải là "nghĩa luận".

Tổ viết: "Nhân giả! Luận tức bất nghĩa, nghĩa tức bất luận. Nhược nghĩ luận nghĩa, chung phi nghĩa luận.": Tổ nói: "Nầy, nhân giả! Lý luận chẳng phải là chân nghĩa. 'Nghĩa tức chẳng luận', khi ta đã có chân nghĩa thì chẳng thể lý luận được. Nếu tính 'luận nghĩa', tức là mang chân

lý ra luận bàn, chẳng hạn như khi ta khởi lên ý nghĩ nghiên cứu cái chân nghĩa, thì đó chẳng phải là chân lý. Nói 'nghĩa' là nói chân lý đích thực.

Tôn giả tri Tổ nghĩa thắng, tâm tức khâm phục : Tôn giả biết nghĩa lý của Tổ cao vời vợi, vượt trội hơn mình, bởi cái "nghĩa" chân chánh đó không thể nói ra được, nên trong lòng cảm thấy bội phục vô cùng… **viết : 'Ngô nguyện cầu đạo, triêm cam lồ vị."** : mới thưa lại rằng: "Con xin nguyện theo Tổ cầu đạo đặng thưởng thức mùi vị cam lồ."

Tổ toại dữ thế độ thọ cụ, phó dĩ Đại Pháp, kệ viết : Tổ bèn cho cắt tóc xuất gia thọ giới Cụ túc, truyền cho pháp lớn tâm ấn, đọc kệ rằng:

Tâm đồng hư không giới, thị đẳng hư không pháp: Tâm và hư không đồng một thể, nay ta chỉ cho ngươi cái pháp hư không đó.

Chứng đắc hư không thời, vô thị vô phi pháp: Khi ngươi đã chứng được cái cảnh giới của hư không rồi thì đó là pháp "vô thị vô phi", cái pháp mà chẳng còn cái nghĩa nào để bàn luận cả.

Tôn giả đắc pháp dĩ, lãnh chúng hành hóa chí Đề-Già quốc, chuyển phó pháp ư Phục-Đà-Mật-Đa: Sau khi tôn giả được pháp, ngài lãnh các đệ tử đi du hóa các nơi. Khi đến nước Đề-Già, tôn giả truyền pháp tâm ấn lại cho vị tổ thứ 7 là Phục-Đà-Mật-Đa (Buddhamitra).

Tức hiện thần biến, khước phục bổn tòa, đoan nhiên thị tịch: Sau đó, ngài liền thị hiện thần thông biến hóa, bay thân lên không, hiện ra mười tám phép biến, rồi trở về chỗ ngồi mà an nhiên thị tịch.

Nhĩ thời chúng kiến bảo tháp, táng kỳ toàn thân: Lúc đó các đệ tử xây bảo tháp để an táng toàn thân ngài**.**

Bài Tán :

Luận tức phi nghĩa, nhất ngữ tiện liễu: Chân lý mà mang ra luận bàn hoặc tìm hiểu thì không phải là nghĩa của nó. Ngay khiTổ thứ 7 nói ra câu này, thì tổ thứ 8 liền khai ngộ.

Khuếch triệt linh nguyên, tản khước trân bảo: Khi đã quán triệt được bổn lai diện mục, nghĩa là đã khai ngộ rồi thì các thứ của quý chẳng cần thiết nữa.

Cam lồ môn khai, tam canh nhật cảo: Canh ba là lúc nửa đêm, mà trời đã sáng. Điều này ngụ ý rằng khi pháp môn cam lồ đã khai mở hành giả sẽ tỏa sáng từ trong tăm tối, giống như giữa đêm khuya mà trời hừng sáng.

Kim chi cổ chi, thanh quang kiểu kiểu: Ngày nay như vậy, ngày xưa cũng vậy, thứ ánh sáng thanh tịnh đó, rực rỡ vô cùng!

Bài kệ :

Lại có người (Hòa Thượng nói chính mình) muốn kiếm thêm chuyện, làm bài kệ thô thiển như sau:

Đỉnh sinh nhục kế thị chân nguyên: Cục thịt trên đỉnh đầu cho biết lai lịch người đó chẳng phải là tầm thường, vì gốc gác là từ chỗ Phật mà đến.

Tùy hình tướng hảo nguyện lực kiên: Tướng tốt ở đây là nói cục thịt trên đỉnh đầu, một trong ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Nguyện lực thì kiên cường, bởi lời nguyện đã phát ra từ kiếp xưa vẫn luôn luôn giữ vững, không thay đổi.

Vô ngại biện tài thâm bát nhã: Ngài có tài biện luận không bị ngăn ngại và có trí huệ thâm sâu.

Đại khai viên giải nghĩa luận huyền: Một sự kỳ diệu diễn ra là có một cuộc nghị luận giữa tôn giả và Tổ thứ 7. Tổ nói luận là chẳng phải nghĩa, nghĩa là chẳng phải luận, suy diễn nghĩ bàn là chẳng phải nghĩa. Mấy chữ "nghĩa luận huyền" tức là ý này, rất là huyền diệu.

Tâm đồng hư không siêu pháp giới: Cái tâm mà rỗng rang như hư không thì nó lớn lắm, vượt ra ngoài cả pháp giới.

Lượng bao vũ trụ nhập vi tiên: Tâm lượng lớn bao trùm hết vũ trụ, lại cũng có thể thu gọn trong một hạt bụi nhỏ. Đây là lấy ý trong Kinh Hoa Nghiêm, nghĩa là đi vào cảnh giới của một vi trần, một hạt bụi nhỏ, trong cái nhỏ hiện ra tướng lớn, trong cái lớn hiện ra tướng nhỏ. Trong ba chử "nhập vi tiên" có chữ "tiên" dùng để giữ âm vận cho bài kệ.

Tức hiện thần biến hoàn bản tọa: Tôn giả tức thời hiện thần thông biến hóa, sau đó lại trở về chỗ ngồi.

Tam canh cảo nhật tự minh thiên: Tuy lúc đó là canh ba mà *giống* như lúc mặt trời mọc. "Tự" có nghĩa là tương tợ chớ thực ra lúc ấy trời chưa sáng.

Thượng Nhân Tuyên Hóa giảng ngày mồng 1 tháng 3 năm 1978.

---

[1] 「心同虛空界，示等虛空法；證得虛空時，無是無非法。」

[2]論即非義　一語便了　廓徹靈源　撒卻珍寶
甘露門開　三更日杲　今之古之　清光皎皎

[3]頂生肉髻示真源　隨形相好願力堅
無礙辯才深般若　大開圓解義論玄
心同虛空超法界　量包宇宙入微先
即現神變還本座　三更杲日似明天

Dharma Realm Buddhist Association

11455 Clayton Rd.,
San Jose, CA 95127, USA
Tel. (408) 923-7243 Fax. (408) 923-1064
E-mail: bodehai@yahoo.com
www.dharmasite.net/bodehai
www.dharmasite.net/khaithi
www.chuavanphat.org
www.bttsonline.org
www.cttbusa.org
www.drba.org

Non-Profit Org.
U.S. Postage
PAID
Permit No. 34
Sunnyvale, CA

To: _____

_____

_____

Bồ Đề Hải phát hành 3 tháng một lần. Mọi thư từ, góp ý hay thỉnh báo xin thư về Dharma Realm Buddhist Association. Chi phiếu hỗ trợ công đức ấn hành, xin đề: DRBA/Vietnamese Account.

Hư Vân Hòa Thượng Họa Truyện

#61. Văn Cát Giặt Giũ Quần Áo Dơ

Ngày 16, Văn Cát lấy quần áo bị dơ bẩn trong mấy ngày qua của Vân Công, đem giặt sạch cho Ngài thay rồi đưa một ly nước thuốc cho Ngài uống. Đến ngày 17 thì bệnh thuyên giảm. Ăn xong hai chén cháo kê vàng thấy mồ hôi toát ra, trong người cảm thấy nhẹ nhõm. Đến ngày 18 thì bệnh khỏi, Ngài ngỏ lời cám ơn: "Hai lần bệnh tình nguy ngập đều được tiên sinh cứu mạng, lòng này đội ơn khôn xiết!" Văn Cát đáp rằng chuyện đó nhỏ, không đáng kể.

Kệ tán của Hòa Thượng Tuyên Hóa:
Đảm phẩn trừ uế địch phàm trần
Đại trí nhược ngu bí độ nhân
Dược thủy phục hậu tiến hoàng mễ
Châu thân đại hãn cam lộ lâm

Nghĩa là:
Tẩy phân gột sạch mùi phàm tục
Phương tiện cứu đời trí tựa ngu
Nước thuốc uống rồi ăn cháo nóng
Mồ hôi tống thoát hưởng cam lồ